

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST

Ngày 18-3-2026

V/v tranh chấp về xác định con
cho cha

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công Tâm.

Ông Đoàn Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2026/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp về xác định con cho cha*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trịnh Duy C**, sinh năm: 1993; địa chỉ: **ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long**.

- *Bị đơn:* Bà **Lữ Thị Diễm M**, sinh năm: 2001; địa chỉ: **ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long**.

Ông **C** có mặt, bà **M** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông **Trịnh Duy C** trình bày:

Ông và bà **Lữ Thị Diễm M** quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 17/10/2025 bà **M** sinh được một người con, dự kiến đặt tên là **Trịnh Duy M1** (giới tính nam). Tuy nhiên khi làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con thì giữa ông và bà **M** xảy ra mâu thuẫn, hai bên không thể tiếp tục sống chung nên không đăng ký kết hôn.

Bà **M** đã đăng ký khai sinh cho con tên **Lữ Duy M2**, tại mục họ tên cha để trống, bà **M** không cho ông đứng tên cha trong giấy khai sinh với lý do ông không phải là cha ruột.

Ông đã yêu cầu Công ty TNHH D thực hiện xét nhiệm ADN, kết luận: **Trịnh Duy C** có quan hệ huyết thống cha - con với **Lữ Duy M2**. Do vậy ông **Trịnh Duy C** yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cháu **Lữ Duy M2**, sinh ngày: 17/10/2025 là con ruột của ông **Trịnh Duy C**.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông **C** giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày. Bà **M** vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của bà có liên quan đến vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Trịnh Duy C** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Tranh chấp về xác định con cho cha*” với bà **Lữ Thị Diễm M** có địa chỉ tại **ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long** nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là bà **Lữ Thị Diễm M** vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà **M** là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, ông **Trịnh Duy C** yêu cầu Hội đồng xét xử xác định cháu **Lữ Duy M2**, sinh ngày: 17/10/2025 là con ruột của ông **Trịnh Duy C**.

Xét thấy: Qua lời khai của ông **Trịnh Duy C** và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2024 ông **Trịnh Duy C** và bà **Lữ Thị Diễm M** có quan hệ tình cảm với nhau. Ngày 17/10/2005, bà **M** sinh được một người con tên **Lữ Duy M2**. Do lúc này ông **C** và bà **M** chưa đăng ký kết hôn và có xảy ra mâu thuẫn nên bà **M** đã làm khai sinh cho cháu **Lữ Duy M2** có họ tên mẹ là **Lữ Thị Diễm M** và họ tên cha để trống.

Ngày 07/01/2026, ông **C** đã yêu cầu Công ty TNHH D thực hiện xét nhiệm ADN đối với cháu **Lữ Duy M2**, sinh ngày 17/10/2025 để xác nhận huyết thống quan hệ cha con. Tại kết quả xét nghiệm ADN số: A25.2596-2 của Công ty TNHH D đã kết luận: **Trịnh Duy C** có quan hệ huyết thống cha - con với **Lữ Duy M2**, độ tin cậy >99,9999%.

Xét yêu cầu của ông **Trịnh Duy C** về việc xác định cháu **Lữ Duy M2**, sinh ngày: 17/10/2025 là con đẻ của ông là có cơ sở, phù hợp với kết luận của của Công ty TNHH D. Về phía bà **M**, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu của ông **C**. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông **Trịnh Duy C** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 .

[4] Về án phí: Ông **Trịnh Duy C** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Duy C** đối với bà **Lữ Thị Diễm M** về việc xác định con cho cha.

[2] Người con tên **Lữ Duy M2**, sinh ngày: 17/10/2025 là con đẻ của ông **Trịnh Duy C**.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Trịnh Duy C** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001745 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, ông **C** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[5] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã N, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền

